

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày 21-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn;

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, thành phố N.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Hải Thường, ông Hà Quang Hiếu – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Tầng 6 Số 152 Hoàng Văn Thụ, quận B, thành phố H (theo Văn bản uỷ quyền số 15/2023/UQ-LCC-KHDN MB01 ngày 20 tháng 12 năm 2023 và số 01.10/2024/UQN ngày 05 tháng 10 năm 2024), đều có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B; địa chỉ: Số 726 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận K, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ch, chức vụ Giám đốc, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ch; địa chỉ: Số 726 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận K, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ngày 12/12/2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B (viết tắt là Công ty B) ký với nhau Hợp đồng tín dụng số QTG/22420 và Khế ước nhận nợ, theo đó Ngân hàng cho Công ty B vay tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Cụ thể đối với từng kế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ số 250523-5092347-ONL-5 ngày 26/5/2023; số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); thời hạn vay: 05 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 26/5/2023 đến ngày 26/10/2023; lãi suất cho vay trong hạn là: 17,5%/năm, cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hết thời hạn 01 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/6/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng cộng biên độ 8.8%/năm; thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 26/10/2023 và trả nợ lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 25 tháng tháng. Khế ước nhận nợ số 050623-5092347-ONL-6 ngày 08/06/2023: Số tiền nhận nợ: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); thời hạn vay: 05 tháng, từ ngày 08/06/2023 đến ngày 08/11/2023; lãi suất cho vay trong hạn: 17.4%/năm, cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/07/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của bên Ngân hàng cộng biên độ 7.8%/năm; thời hạn trả nợ: Khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc của Khế ước nhận nợ này cho bên Ngân hàng một lần vào ngày 08/11/2023 và trả nợ lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản nợ giữa Ngân hàng và Công ty B, giữa Ngân hàng và cá nhân bà Nguyễn Thị Ch đã Hợp đồng bảo lãnh số QTG/22420/BLCN ngày 12/12/2022, theo đó bà Nguyễn Thị Ch đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công

ty B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty B với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số QTG/22420 ngày 12/12/2022 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty B và V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Tính đến xét xử (ngày 21/02/2025), Công ty B còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 3,000,000,000 đồng; Nợ lãi: 874.253.425 đồng; Phạt chậm trả lãi: 8,755,248 đồng; Tổng cộng: 3,883.008.673 đồng (Ba tỷ tám trăm tám mươi ba triệu không trăm linh tám nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng). Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán, trả cho Ngân Hàng tạm tính đến ngày xét xử (ngày 21/02/2025), nợ gốc: 3,000,000,000 đồng; nợ lãi: 1.059.345.205 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 73.578.082 đồng, nợ lãi quá hạn là 985.767.123 đồng); phạt chậm trả lãi: 11.651.543 đồng; tổng cộng: 4.070.996.748 đồng. Kể từ sau khi xét xử sơ thẩm nếu Công ty B không trả nợ sẽ phải tiếp trả lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày Công ty B thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay và Hợp đồng bảo lãnh trên.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhiều lần triệu tập và yêu cầu trình bày về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng đều vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ đúng các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 117, 118, 119 và Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B phải có trách

nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nợ gốc: 3,000,000,000 đồng; nợ lãi: 1.059.345.205 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 73.578.082 đồng, nợ lãi quá hạn là 985.767.123 đồng); phạt chậm trả lãi: 11.651.543 đồng; tổng cộng: 4.070.996.748 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo đúng hợp đồng đã ký kết cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch trả nợ thay. Về án phí đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B phải nộp 112.070.997đ (Một trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án kinh doanh thương mại, tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B được ký kết tại trụ sở chi nhánh thành phố Hải Phòng, các bên tham gia ký kết đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận. Khi Tòa án thụ lý vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ch đang cư trú tại nước ngoài. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 37, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không ai có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Nên căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Quá trình tiếp tục giải quyết vụ án và tại phiên tòa không có đương sự nào có đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử không bổ sung ai tham gia tố tụng ngoài những người đã được tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B là bà Nguyễn Thị Ch đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, việc vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ch.

- Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V

[5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, tiếp tục thẩm tra công khai tại phiên tòa, đồng thời căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

[5.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức QTG/22420 ngày 12/12/2022 cùng các kế ước nhận nợ với tổng số tiền 3.000.000.000 đồng và hợp đồng bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung, hình thức và mục đích, chủ thể tham gia ký kết phù hợp quy định tại các điều 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[5.2] Về khoản nợ phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu:

[5.2.1] Về khoản nợ gốc: Trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ tiền vay cho phía Ngân hàng đúng hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ, cụ thể: Đối với kế ước nhận nợ số 250523-5092347-ONL-5 ngày 26/5/2023; số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); thời hạn vay: 05 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 26/5/2023 đến ngày 26/10/2023; lãi suất cho vay trong hạn là: 17,5%/năm, cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; hết thời hạn 01 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/6/2023. Đối với kế ước nhận nợ số 050623-5092347-ONL-6 ngày 08/6/2023: Số tiền nhận nợ: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); thời hạn vay: 05 tháng, từ ngày 08/06/2023 đến ngày 08/11/2023; lãi suất cho vay trong hạn: 17.4%/năm, cố định trong 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/7/2023. Phía Ngân hàng đã nhiều lần đòi nợ nhưng không được thanh toán nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật

Dân sự năm 2015, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Theo thỏa thuận của Ngân hàng và Công ty B thì ngày 25 hàng tháng Công ty B phải trả lãi phát sinh cho phía Ngân hàng nhưng Công ty B không trả nợ đúng hạn. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của Công ty B. Vì vậy yêu cầu trả nợ của Ngân hàng đối với Công ty B với số tiền gốc 3000.000.000đ (Ba tỷ đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5.2.2] Về lãi suất căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng có nội dung: “*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất chậm trả, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa Ngân hàng và Công ty B và lãi suất này tính đến ngày 21 tháng 02 năm 2025, nợ lãi trong hạn là 73.578.082 đồng, nợ lãi quá hạn là 985.767.123 đồng, phạt chậm trả lãi: 11.651.543 đồng, tổng cộng là 1.059.345.205 đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Về yêu cầu người bảo lãnh bà Nguyễn Thị Ch phải trả nợ trong trường hợp Công ty B không trả được nợ. Như đã phân tích tại mục [5.1] hợp đồng bảo lãnh số QTG/22420/BLCN ngày 12/12/2022 giữa bà Nguyễn Thị Ch và Ngân hàng là hợp pháp và theo nội dung hợp đồng bảo lãnh thì phía bà Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty B với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số QTG/22420 ngày 12/12/2022 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty B và V bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 342 của Bộ luật Dân sự quy định về Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh có quy định: “*1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.*”. Nên yêu cầu của Ngân hàng: Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì bà Nguyễn Thị Ch có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí, lệ phí Tòa án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn

bộ án phí dân sự sơ thẩm, trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, 118, 119 và Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Buộc Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 4.070.996.748đ (Bốn tỷ không trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ gốc: 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 73.578.082đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 985.767.123đ (Chín trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng), phạt chậm trả lãi: 11.651.543đ (Mười một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bà Nguyễn Thị Ch phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TH B phải chịu 112.070.997đ (Một trăm mười hai triệu không trăm bảy mươi nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.450.000 đ (đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004849 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận K, thành phố H.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Tuấn Vũ Thị Minh Nguyệt

Đình Duy Việt

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Duy Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Duy Việt